

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 671/2018/DS-PT

Ngày: 10/7/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Phương

Bà Lê Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phan Văn Kiên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 03 và ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2018/TLPT-DS ngày 01/3/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DSST ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 2 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2498/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn A, bà Bùi Thị Tuyết D; Cùng địa chỉ: Số 60, phòng 202, Đường Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ông A và bà D cùng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc Hưng; Địa chỉ: Căn hộ A14.08 chung cư Topaz Center số 4 Trịnh Đình Thảo, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số công chứng 010398, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/8/2017 của Văn phòng công chứng Bến Thành) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Mai Lâm Phương – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Tống Kim B; Địa chỉ: 3G10-3G11 Đường Trần Nãi, phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Bùi Thị Hồng Vân; Địa chỉ: Số 27 đường số 2, phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy

quyền số 11006, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng Quận 10) (có mặt).

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm: Tại Đơn khởi kiện ngày 08/4/2016 (ngày nhận đơn 11/4/2016), bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Nguyễn Văn A, bà Bùi Thị Tuyết D có ông Phạm Ngọc Hưng là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 19/9/2013, bà Tống Kim B viết giấy quyết toán công nợ, thừa nhận vay của ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D số tiền 3.432.000.000đồng, trong đó tiền vốn gốc là 2.200.000.000đồng và tiền lãi 1.232.000.000đồng. Nguyên vào khoảng tháng 12/2009, ông Tống Thạch Chương đã lấy uy tín của mình để đưa bà Tống Kim B là chị gái của ông Tống Thạch Chương đến nhà ông A với lời đề nghị vay tiền để kinh doanh. Vợ cA ông A đã gom góp tiền của gia đình và huy động thêm tiền của một số người thân, bạn bè cho bà B vay nhiều lần với số tiền tổng cộng là: 2.200.000.000đồng. Để tạo lòng tin cho vợ cA ông A, bà B đã giao cho vợ cA ông A bản chính Hợp đồng số 0645/2005/HĐ-BA ký ngày 15/07/2005 và bản chính Thỏa thuận số 016/2009/TT ký ngày 19/08/2009.

Sau khi nhận được số tiền vay nói trên và sử dụng vào việc kinh doanh mua bán bất động sản, bà B đã liên tục vi phạm cam kết, không B toán tiền gốc và lãi cho vợ cA ông A theo như thỏa thuận. Đến ngày 19/9/2013, bà B đã làm “Giấy quyết toán công nợ” xác nhận tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến ngày 5/09/2013 là 3.432.000.000đồng, đồng thời cam kết sẽ B toán tiền gốc và tiền lãi trong năm 2015. Do thời gian vay đã lâu, mà bà B không có ý định trả tiền cho vợ cA ông A, vợ cA ông A đã liên lạc với bà B rất nhiều lần nhưng bà B đều khất nợ hết lần này đến lần khác, mục đích muốn chiếm dụng số tiền đã vay của vợ cA ông A. Nay ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D yêu cầu bà B hoàn trả số tiền gốc và tiền lãi là 3.432.000.000đồng. Nếu bà B trả đủ tiền, ông A và bà D đồng ý trả lại bản chính Hợp đồng số 0645/2005/HĐ-BA ký ngày 15/07/2005 và bản chính Thỏa thuận số 016/2009/TT ký ngày 19/08/2009. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác. Ông Tống Thạch Chương không ký kết giấy tờ gì trong vụ án nên nguyên đơn không yêu cầu đối với ông Chương. Ông A, bà D có nhiều lần đến nhà bà B để yêu cầu trả tiền nhưng không gặp cA bà B nên không biết cA bà B tên gì, cư trú tại đâu. Việc giao dịch vay nợ không liên quan gì đến cA bà B, không liên quan đến bất kỳ ai khác.

Bị đơn: Bà Tống Kim B có bà Bùi Thị Hồng Vân người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 19/9/2013, bà Tống Kim B viết giấy quyết toán công nợ cho ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D. Tuy nhiên, trong Giấy quyết toán công nợ có ghi: “Tổng cộng cả vốn và lãi phát sinh tới ngày 05/09/2013 là 3.432.000.000đồng, trong đó vốn và lãi phát sinh đã nhập vào vốn là 2.200.000.000đồng, lãi phát sinh thêm từ 5/7/2012 đến 5/9/2013 là 1.232.000.000đồng...”. Vì vậy, bà B chỉ đồng ý trả tiền cho ông A và bà D khi đã tính lại vốn gốc và tiền lãi theo quy định. Đề nghị ông A và bà D trả lại bản

chính Hợp đồng số 0645/2005/HĐ-BA ký ngày 15/07/2005 và Thỏa thuận số 016/2009/TT ký ngày 19/08/2009 vì khi giao hai hợp đồng này chỉ là để làm tin, không phải là thế chấp đảm bảo cho số tiền vay. Mặt khác, trong Giấy mượn tiền ngày 05/7/2012 có ghi “các giấy tờ trước ngày 05/07/2012 được B lý” nên lẽ ra ông A và bà D phải trả lại hai hợp đồng tại thời điểm đó.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Bùi Thị Hồng Vân thay đổi lời khai, cho rằng cA bà B có liên quan đến giao dịch vay tài sản vì tuy cA bà B không ký kết giao dịch vay tài sản, không giao nhận tiền vốn gốc, tiền lãi nhưng số tiền bà B vay dùng để kinh doanh. Bà Vân xác định bà B có cA nhưng ly thân đã nhiều năm, không biết họ tên đầy đủ của cA bà B là gì, cư trú tại đâu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DSST ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 2 đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D: Buộc bà Tống Kim B hoàn trả cho ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D số tiền 1.783.683.000 đồng, trong đó, tiền vốn gốc: 1.450.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 19/01/2018 là 333.683.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D có nghĩa vụ hoàn trả cho bà B bản chính Hợp đồng số 0645/2005/HĐ-BA ký ngày 15/07/2005 và bản chính Thỏa thuận số 016/2009/TT ký ngày 19/08/2009 ngay sau khi bà B thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

Các bên giao nhận tiền và giấy tờ tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D về việc buộc bà Tống Kim B hoàn trả số tiền 1.648.317.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D nộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D có ông Phạm Ngọc Hưng làm đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, ông yêu cầu sửa án sơ thẩm buộc bà Tống Kim B trả cho ông A bà D vốn gốc và lãi là 2.770.000.000 đồng và không đồng ý việc cản trừ số tiền lãi mà ông A đã nhận như án sơ thẩm tuyên là 936.517.000 đồng.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn sửa án sơ thẩm buộc bà Tống Kim B trả cho ông A bà D vốn gốc và lãi là 2.770.000.000 đồng và không đồng ý việc cản trừ số tiền lãi mà ông A đã nhận như án sơ thẩm tuyên là 936.517.000 đồng.

Bị đơn bà Tống Kim B có bà Bùi Thị Hồng Vân làm đại diện đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau: Về trình tự thủ tục giải quyết vụ án trong giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự, người tham gia tố tụng được thực hiện đúng qui định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Xét giấy mượn tiền ngày 17/11/2010 bà B có mượn ông A bà D số tiền 1.450.000.000 đồng và mặt sau có ghi bà B mượn tiền của ông A, bà D 50.000.000 đồng. Tổng cộng từ ngày 05/4/2011 bà B mượn ông A, bà D là 1.500.000.000 đồng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm căn cứ vào bảng kê các chứng từ do bị đơn cung cấp để xác định tổng số tiền lãi suất mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 936.517.000 đồng mà không kiểm tra kỹ chứng cứ là các chứng cứ kèm theo đã dẫn đến sai sót xác định số tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn không chính xác, không có căn cứ. Việc xác định lại gốc, lãi vay trong hạn, quá hạn và số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn các tình tiết này cấp sơ thẩm chưa xét nên cấp phúc thẩm không thể xem xét và để đảm bảo 2 cấp xét xử và quyền kháng cáo của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án dân sự giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm xem xét lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Về nội dung: Với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D yêu cầu bà Tống Kim B hoàn trả số tiền 3.432.000.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm ba mươi hai triệu đồng), trong đó tiền vốn gốc là 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 1.232.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm ba mươi hai triệu đồng). Căn cứ vào giấy quyết toán công nợ lập ngày 19/9/2013 giữa bà Tống Kim B nội dung vay của ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D số tiền 3.432.000.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm ba mươi hai triệu đồng), trong đó tiền vốn gốc và lãi phát sinh đã nhập vào vốn là 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm triệu đồng), tiền lãi là 1.232.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm ba mươi hai triệu đồng). Các bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Bà B cam kết đến cuối năm 2015 sẽ trả hết tiền.

Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 17/11/2010 đã ghi rõ: “Có mượn anh Nguyễn Văn A và chị Bùi Thị Tuyết D số tiền là 1.450.000.000 đồng (Một tỷ

bốn trăm năm mươi triệu đồng)”, và mặt sau giấy mượn tiền này bà B có mượn của ông A và bà D 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) vào ngày 05/4/2011 đại diện bà B thừa nhận đó là chữ ký của bà B (số tiền này cấp sơ thẩm chưa làm rõ).

Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 05/7/2012 thể hiện bà B có mượn ông A bà B số tiền 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cung cấp giấy mượn tiền mà bà B đã mượn tiền của ông A ngày 05/4/2010, bà B có mượn ông A số tiền 1.250.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Xét thấy, án sơ thẩm chỉ xác định vốn gốc mà bà B thực tế vay của ông A bà D 1.450.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng) là chưa đúng với số tiền thực tế mà bà B đã vay của ông A bà D theo các giấy mượn tiền mà nguyên đơn đã cung cấp như trên. Đồng thời án sơ thẩm căn trừ số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) là tiền lãi mà ông A bà D đã nhận của bà B ngày 07/2/2013 là không có căn cứ vì trong hồ sơ không thể hiện chứng từ này và ông A bà B xác nhận là không có chứng từ này.

Xét thấy, các giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp trên là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, cấp sơ thẩm chưa xem xét để đảm bảo quyền kháng cáo của đương sự và đảm bảo 2 cấp xét xử nên Hội đồng xét xử cần hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm để cấp sơ thẩm xem xét lại cho đúng với số tiền thực tế mà hai bên đương sự đã vay mượn với nhau từ đó tính lãi trong hạn và quá hạn cho đúng theo quy định.

Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D không phải chịu. Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AE/2014/0008891 ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí tòa án;

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DSST ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D không phải chịu. Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị Tuyết D 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AE/2014/0008891 ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

Đối với số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận 2;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 2;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong